CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI TRƯỜNG THÀNH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI TRƯỜNG THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THANH DISTRIBUTION AND PRODUCE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107944392

3. Ngày thành lập: 03/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15, ngõ 12 phố Bồ Đề, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	*8219*
2.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*
3.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	*8211*
4.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
5.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
6.	Giáo dục nghề nghiệp	*8532*
7.	Giáo dục thể thao và giải trí	*8551*
8.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	*8560*
9.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	*9512*
10.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	*9523*
11.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	*9620*
12.	Điều hành tua du lịch	*7912*
13.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7920*
14.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
15.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	*8129*
16.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
17.	Đại lý du lịch	*7911*
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	*8299*
19.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
20.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	*8220*

21.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	*8552*
22.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
23.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*
24.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	*9610*
25.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
26.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
27.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
28.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
29.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	*3530*
30.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	*3600*
31.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
32.	Thu gom rác thải không độc hại	*3811*
33.	Thu gom rác thải độc hại	*3812*
34.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	*3821*
35.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	*3822*
36.	Tái chế phế liệu	*3830*
37.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	*3900*
38.	Xây dựng nhà các loại	*4100*
39.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	*4210*
40.	Xây dựng công trình công ích	*4220*
41.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4290*
42.	Phá dỡ	*4311*
43.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
44.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	*4322*

46.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước,hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy	*4329*
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
48.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	*4511*
49.	Bán buôn gạo	*4631*
50.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
51.	Bán buôn đồ uống	*4633*
52.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	*4634*
53.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	*4641*
54.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	*4649*
55.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
57.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	*4662*
58.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	*4663*

59.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu làm băng dính Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn băng dính Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn các loại bao tải, dây, đai, nẹp Bán buôn màng nilon OPP-PPC-PE-PP	*4669(Chính)*
60.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
61.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
62.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4719*
63.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
64.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	*4751*
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
67.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	*4730*
68.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
69.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
70.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
71.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
72.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
73.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*
74.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	*4762*
75.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
76.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*

77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	*4659*
78.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*
79.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	*4764*
80.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ (trừ kinh doanh vàng miếng) Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hoả, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4773*
81.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
82.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	*4932*
83.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
84.	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa	*5021*
85.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	*5022*
86.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	*5221*
88.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	*5229*
90.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	*5510*
91.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	*5621*
92.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*

93.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	*5911*
94.	Hoạt động hậu kỳ	*5912*
95.	Hoạt động chiếu phim	*5914*
96.	Lập trình máy vi tính	*6201*
97.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	*7320*
98.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	*7120*
99.	Quảng cáo	*7310*
100.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
101.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
102.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
103.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	*6311*
104.	Hoạt động nhiếp ảnh	*7420*
105.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
106.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	*7721*
107.	Cho thuê băng, đĩa video	*7722*
108.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	*7729*
109.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	*2815*
110.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	*2818*
111.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	*2821*
112.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	*2829*
113.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	*2930*
114.	Khai thác khí đốt tự nhiên	*0620*
115.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
116.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
117.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
118.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	*2420*
119.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	*2513*
120.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	*2680*
121.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*
122.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	*7730*
123.	In ấn	*1811*
124.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
125.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	*2651*
126.	Sản xuất đồng hồ	*2652*
127.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	*2670*

128.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
129.	Sản xuất pin và ắc quy	*2720*
130.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	*2731*
131.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
132.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*
133.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
134.	Sản xuất thiết bị điện khác	*2790*
135.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	*2813*
136.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	*2814*
137.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	*2816*
138.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	*2817*
139.	Sản xuất máy thông dụng khác	*2819*
140.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	*2822*
141.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	*2825*
142.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	*2826*
143.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	*3011*
144.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	*3012*
145.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	*3099*
146.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
147.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	*3211*
148.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	*3212*
149.	Sản xuất nhạc cụ	*3220*
150.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	*3230*
151.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	*3240*
152.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
153.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
154.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
155.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
156.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*
157.	Khai thác gỗ	*0221*
158.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	*0222*
159.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	*0230*
160.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	*0240*
161.	Khai thác thuỷ sản biển	*0311*
162.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	*0990*

163.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
164.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
165.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
166.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	*1040*
167.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	*1709*
168.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
169.	Sao chép bản ghi các loại	*1820*
170.	Sản xuất hoá chất cơ bản	*2011*
171.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	*2012*
172.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	*2013*
173.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	*2021*
174.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	*2022*
175.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
176.	Khai thác thuỷ sản nội địa	*0312*
177.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	*0321*
178.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	*0322*
179.	Sản xuất giống thuỷ sản	*0323*
180.	Khai thác và thu gom than cứng	*0510*
181.	Khai thác và thu gom than non	*0520*
182.	Khai thác dầu thô	*0610*
183.	Khai thác quặng sắt	*0710*
184.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	*0721*
185.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	*0722*
186.	Khai thác quặng kim loại quí hiếm	*0730*
187.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
188.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	*0891*
189.	Khai thác và thu gom than bùn	*0892*
190.	Khai thác muối	*0893*
191.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	*0899*
192.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	*0910*
193.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	*1050*
194.	Xay xát và sản xuất bột thô	*1061*
195.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	*1062*
196.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
197.	Sản xuất đường	*1072*
198.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	*1073*

199.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	*1074*
200.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
201.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	*1079*
202.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
203.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	*1101*
204.	Sản xuất rượu vang	*1102*
205.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	*1103*
206.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
207.	Sản xuất sợi	*1311*
208.	Sản xuất vải dệt thoi	*1312*
209.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	*1313*
210.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	*1321*
211.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	*1322*
212.	Sản xuất thảm, chăn đệm	*1323*
213.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	*1324*
214.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	*1329*
215.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	*1420*
216.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	*1430*
217.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
218.	Sản xuất giày dép	*1520*
219.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
220.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
221.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
222.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
223.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
224.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	*2029*
225.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	*2100*
226.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	*2211*
227.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	*2212*
228.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	*2394*
229.	Sản xuất sợi nhân tạo	*2030*
230.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	*2399*
231.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
232.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	*2220*
233.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	*2310*
234.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	*2391*
235.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
236.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	*2393*

237.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	*2395*
238.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	*2396*
239.	Đúc sắt, thép	*2431*
240.	Đúc kim loại màu	*2432*
241.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
242.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	*2512*
243.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
244.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
245.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*
246.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	*2599*
247.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
248.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	*4512*
249.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	*4513*
250.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
251.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	*4530*
252.	Bán mô tô, xe máy	*4541*
253.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
254.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	*4543*
255.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, mối giới	*4610*
256.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
257.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
258.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4774*
259.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*4781*
260.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	*4782*
261.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	*4789*
262.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	*4791*
263.	Vận tải bằng xe buýt	*4920*
264.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4772*

265.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	*5590*
266.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	*5610*
267.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
268.	Xuất bản phần mềm	*5820*

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ HẢI ĐĂNG Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *14/05/1982* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001082011777*

Ngày cấp: *28/10/2015* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 62A Nhị Hà, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 62A Nhị Hà, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: LÊ HẢI ĐĂNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *14/05/1982* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001082011777*

Ngày cấp: *28/10/2015* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 62A Nhị Hà, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 62A Nhị Hà, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội